

Số: **500/2023/QĐST-HNGĐ**

Nam Từ Liêm, ngày 08 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 489/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1984;

2. Chị Vũ Thị B2, sinh năm 1984;

HKTT và chỗ ở: M, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Vũ Thị B2 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 03/11/2008 tại UBND xã Bình Minh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và lối sống. Nay anh Nguyễn Văn B và chị Vũ Thị B2 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cả anh Nguyễn Văn B và chị Vũ Thị B2 vẫn giữ quan điểm xin ly hôn và cùng nhất trí đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Xét đơn yêu cầu và các thỏa thuận khác của các đương sự:

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Vũ Thị B2 có 02 con chung là Nguyễn Vũ Kim P, sinh ngày 24/4/2012 và Nguyễn Vũ B2 P, sinh ngày

24/4/2012. Anh Nguyễn Văn B và chị Vũ Thị B2 thống nhất thoả thuận giao cháu Kim P và cháu B2 P cho chị B2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kim P và cháu B2 P đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng: Anh B cấp dưỡng nuôi cháu Kim P và cháu B2 P 10.000.000 đồng/tháng (mười triệu đồng/tháng) kể từ tháng 12/2023 cho đến khi cháu Kim P và cháu B2 P đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Vũ Thị B2 tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh Nguyễn Văn B và chị Vũ Thị B2 xác nhận không có vay nợ, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về lệ phí: Chị Vũ Thị B2 tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

[3] Xét thấy anh Nguyễn Văn B và chị Vũ Thị B2 thật sự tự nguyện ly hôn, đã thoả thuận được giải quyết việc ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ngày 01/12/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Vũ Thị B2.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Vũ Thị B2 có 02 con chung là Nguyễn Vũ Kim P, sinh ngày 24/4/2012 và Nguyễn Vũ B2 P, sinh ngày 24/4/2012. Giao cháu Kim P và cháu B2 P cho chị B2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kim P và cháu B2 P đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn B được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh B cấp dưỡng nuôi cháu Kim P và cháu B2 P 10.000.000 đồng/tháng (mười triệu đồng/tháng) kể từ tháng 12/2023 cho đến khi cháu Kim P và cháu B2 P đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Vũ Thị B2 tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh Nguyễn Văn B và chị Vũ Thị B2 xác nhận không có vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn B và chị Vũ Thị B2 mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm; ghi nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị B2 tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0009140 ngày 24/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Chị B2 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND Q.Nam Từ Liêm;*
- *Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;*
- *UBND xã Bình Minh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định (GCNKH số 76 ngày 03/11/2008);*
- *Lưu HS, VP.*

Chu Thiện Nghĩa